TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HSST
Ngày: 06-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Chiến

2. Ông Lê Kim Hùng

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Xem - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/HSST ngày 12 tháng 01 năm 2018 đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp T, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; Số chứng minh nhân dân: 320888172 cấp ngày 14/10/2009; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Văn D (chết) và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1953 (không rõ địa chỉ); Bị cáo có 01 người em ruột, sinh năm 1973; Bị cáo có chồng là ông Trần Văn T, sinh năm 1975 và có 02 con sinh năm 1999 và năm 2005. Tiền án: Không; Tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 03/10/2016 bị Công an xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt ngày 03/10/2016; Nhân thân: Từ nhỏ lớn lên sống chung với gia đình, đi học hết lớp 02 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 1992 có hành vi trộm cắp tài sản bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày (Nay là huyện Mỏ Cày Nam) ra quyết định cưỡng bức lao động 06 tháng. Ngày 27/7/1996 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày (Nay là huyện Mỏ Cày Nam) xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 03/02/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 27/8/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày (Nay là huyện Mỏ Cày Nam) xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 09/02/2014 bị Công an xã Tân Bình, huyện Mỏ Cày Bắc xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp

tài sản, đã nộp phạt xong. Ngày 03/10/2016 bị Công an xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt xong. Ngày 30/7/2017 có hành vi trộm cắp tài sản bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre khởi tố điều tra.

Bị cáo tại ngoại (Theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 29 ngày 31/10/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: ấp H, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Xin vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1955, Địa chỉ cư trú: ấp H, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Xin vắng mặt).

2. Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 30/7/2017, bị cáo Nguyễn Thị Th điều khiển xe mô tô biển số 71B2-330.40 từ nhà đến chợ Đ thuộc ấp Đ1, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam. Sau khi vào chợ, Nguyễn Thị Th quan sát phát hiện túi áo khoác bên phải của bà Đỗ Thị T có tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Sau đó bị cáo Nguyễn Thị Th tìm cách tiếp cận, lợi dụng việc bà Đỗ Thị T đang khom người lựa mua hàng (bắp trái), bị cáo tiếp cận lén lút dùng tay móc lấy số tiền 2.500.000 đồng mà bà Trúc để trong túi áo khoác. Sau khi chiếm đoạt, bị cáo cầm tiền trên tay định tẩu thoát thì bị phát hiện tạm giữ cùng tang vật.

Chứng cứ thu giữ gồm: Thu giữ tại hiện trường số tiền mặt 2.500.000 đồng; Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị Th: 32 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch, 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, 800.000 đồng tiền Việt Nam, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, 01 khẩu trang bằng vải màu đỏ có chấm bi màu trắng, 01 áo khoác nữ màu đỏ sọc đen, 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, 01 xe mô tô biển số 71B2-330.40 nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius. Tạm giữ của bà Đỗ Thị T: 01 áo khoác màu xanh có hoa văn vàng, 01 bộ đồ thun nữ màu tím có hoa văn vàng xanh. Tất cả các vật chứng trên đều đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam trao trả lại cho chủ sở hữu, sử dụng. Cụ thể: Trả cho bà Đỗ Thị T 01 áo khoác màu xanh có hoa văn màu vàng, 01 bộ đồ thun nữ màu tím có hoa văn vàng xanh, tiền Việt Nam 2.500.000 đồng; Trả cho ông Trần Văn T (là chồng của bị cáo) 01 xe mô tô biển số 71B2-330.40; Trả cho bị cáo Nguyễn Thị Th 32 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch, 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, 800.000 đồng tiền Việt Nam, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, 01 khẩu trang bằng vải màu đỏ có chấm bi màu trắng, 01 áo khoác nữ

màu đỏ sọc đen, 01 mũ bảo hiểm màu đỏ do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số: 02/KSĐT- KT ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã truy tố trước Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị Th về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, bảo lưu toàn bộ nội dung Bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Thị Th phạm tội "Trộm cắp tài sản".

* Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), đề nghị Tòa ghi nhận việc bị hại đã nhận lại số tiền 2.500.000 đồng, bị hại không yêu cầu gì thêm, đề nghị không xem xét.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Toà ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho: Trả cho bà Đỗ Thị T 01 áo khoác màu xanh có hoa văn màu vàng, 01 bộ đồ thun nữ màu tím có hoa văn vàng xanh, tiền Việt Nam 2.500.000 đồng; Trả cho ông Trần Văn T (là chồng của bị cáo) 01 xe mô tô biển số 71B2-330.40; Trả cho bị cáo Nguyễn Thị Th 32 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch, 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, 800.000 đồng tiền Việt Nam, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, 01 khẩu trang bằng vải màu đỏ có chấm bi màu trắng, 01 áo khoác nữ màu đỏ sọc đen, 01 mũ bảo hiểm màu đỏ do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã truy tố. Bị cáo đã nhận lại tài sản bị tạm giữ, thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và có yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Người bị hại thừa nhận đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đề nghị xử lý theo pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Qua lời khai của bị cáo, kết hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa nên đủ cơ sở kết luận:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, người bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam truy tố, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn Thị Th là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe để lao động nhưng với động cơ tư lợi cá nhân nên khoảng 07 giờ ngày 30/7/2017, tại chợ Đ thuộc ấp Đ1, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 2.500.000 đồng của bị hại Đỗ Thị T nhằm mục đích sử dụng tiêu xài cá nhân. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện truy tố. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Th là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[4]. Tuy nhiên, trong lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, cụ thể: Trong quá trình điều tra cũng như tại tòa, bị cáo thật thà khai báo; gây thiệt hại nhưng không lớn; Bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng (là liệt sĩ).

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị Th là người có nhân thân xấu, đang có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không biết cải sửa mà còn tiếp tục phạm tội. Trước đó, bị cáo đã 03 lần bị Tòa án nhân dân xử phạt về tội "Trộm cắp tài sản" lần lượt 06 tháng, 09 tháng, 01 năm 03 tháng tù, đồng thời bị Công an xã Tân Bình, huyện Mỏ Cày Bắc xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng nhưng không khắc phục. Cần áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị hại đã nhận lại số tiền 2.500.000 đồng bị chiếm đoạt, bị hại không yêu cầu gì thêm, không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đã trao trả cho: Bà Đỗ Thị T 01 áo khoác màu xanh có hoa văn màu vàng, 01 bộ đồ thun nữ màu tím có hoa văn vàng xanh, tiền Việt Nam 2.500.000 đồng; Trả cho ông Trần Văn T (là chồng của bị cáo) 01 xe mô tô biển số 71B2-330.40; Trả cho bị cáo Nguyễn Thị Th 32 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch, 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, 800.000 đồng tiền Việt Nam, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, 01 khẩu trang bằng vải màu đỏ có chấm bi màu trắng, 01 áo khoác nữ màu đỏ sọc đen, 01 mũ bảo hiểm màu đỏ do không liên quan đến hành vi phạm tội. Không ai yêu cầu gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nghĩa vụ chịu tiền án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ghi nhận việc bị hại đã nhận lại số tiền 2.500.000 đồng bị chiếm đoạt, bị hại không yêu cầu gì thêm, không xem xét.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đã trao trả cho: Bà Đỗ Thị T 01 áo khoác màu xanh có hoa văn màu vàng, 01 bộ đồ thun nữ màu tím có hoa văn vàng xanh, tiền Việt Nam 2.500.000 đồng; Trả cho ông Trần Văn T (là chồng của bị cáo) 01 xe mô tô biển số 71B2-330.40; Trả cho bị cáo Nguyễn Thị Th 32 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch, 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, 800.000 đồng tiền Việt Nam, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, 01 khẩu trang bằng vải màu đỏ có chấm bi màu trắng, 01 áo khoác nữ màu đỏ sọc đen, 01 mũ bảo hiểm màu đỏ do không liên quan đến hành vi phạm tội. Không ai yêu cầu gì thêm, không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ chịu tiền án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Th phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ khi nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Nam;*
- *Công an huyện Mỏ Cày Nam*;
- *Chi cụcTHADS huyện Mỏ Cày Nam;*
- *Sở Tư pháp;*
- *Bị cáo; Bị hại;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thúy Hằng